

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

HIỆP ĐỊNH PARIS

VỀ VIỆT NAM NĂM 1973

QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN



Tập 1

ĐÁNH VÀ ĐÀM



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HIỆP ĐỊNH PARIS

VỀ VIỆT NAM NĂM 1973

QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

Mã số: $\frac{9(V)2}{CTQG - 2012}$

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

HIỆP ĐỊNH PARIS

VỀ VIỆT NAM NĂM 1973
QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

ĐÁNH VÀ ĐÀM

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2012

Chỉ đạo công bố:

TS. VŨ THỊ MINH HƯƠNG

Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước

Chỉ đạo biên soạn:

TS. NGUYỄN XUÂN HOÀI

Giám đốc Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

Ban biên soạn:

TS. NGUYỄN XUÂN HOÀI (Chủ biên)

TS. PHẠM THỊ HUỆ

CN. HÀ KIM PHƯƠNG

Cố vấn khoa học:

PGS. TS. HÀ MINH HỒNG

ĐẠI TÁ PGS. TS. HỒ SƠN ĐÀI

Bản quyền thuộc Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Với mưu đồ bá chủ toàn cầu, ngay sau khi thế chân thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã ngang nhiên xé bỏ Hiệp định Giơnevơ năm 1954, nhanh chóng xây dựng một chính quyền bù nhìn tay sai và thực hiện chính sách thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Đồ ó ạt nhân lực, vật lực và thực hiện những chiến lược tân kỳ nhưng nước Mỹ ngày càng sa lầy vào cuộc chiến. Liên tiếp hứng chịu thất bại nặng nề trên chiến trường, chính quyền Johnson buộc phải ngồi vào bàn đàm phán tại Paris.

Việc buộc Mỹ – nguy ký kết Hiệp định Paris năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là kết quả của tiến trình đấu tranh gay go và phức tạp trên cả hai lĩnh vực ngoại giao và quân sự. Trên bàn đàm phán, phía Mỹ liên tục sử dụng thủ đoạn trì hoãn; trên chiến trường, chúng ra sức giành dân cướp đất, đẩy mạnh “Việt Nam hóa chiến tranh” và ném bom đánh phá miền Bắc. Kết hợp đánh và đàm, chúng ta luôn kiên định lập trường buộc Mỹ và chư hầu phải rút quân khỏi Việt Nam và tôn trọng quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam đối với các vấn đề nội bộ của mình. Với thắng lợi của trận “Hà Nội – Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972, quân và dân ta đã ra một đòn quyết định, buộc Mỹ phải đàm phán một cách thực chất và ký kết Hiệp định.

Hiệp định Paris được ký kết nhưng trên thực tế Mỹ – nguy luôn tìm cách trốn tránh và phá bỏ điều khoản đã cam kết. Nước Mỹ vẫn tiếp tục tài trợ cho quân đội nguy, tiếp tục can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam và dung dưỡng chính

quyển Nguyễn Văn Thiệu chà đạp Hiệp định. Vì vậy, nhân dân Việt Nam phải tiếp tục cuộc kháng chiến chống xâm lược, đập tan những trở lực trong quá trình thi hành Hiệp định và hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước với chiến thắng lịch sử mùa Xuân 1975.

Nhân kỷ niệm 40 năm ký kết Hiệp định Paris (27-1-1973 – 27-1-2013), Trung tâm Lưu trữ quốc gia II – Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách ***Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn***, gồm hai tập, Tập 1: Đánh và đàm; Tập 2: Ký kết và thực thi. Cuốn sách được biên soạn trên cơ sở nghiên cứu, tuyển chọn và hệ thống hóa các tài liệu lưu trữ của ngụy quyền Sài Gòn về quá trình đàm phán, ký kết và thực thi Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Gắn với mỗi chủ đề, các tác giả đã dẫn nối, chú giải để giúp người đọc nhìn nhận khách quan, toàn diện hơn về diễn tiến của quá trình này.

Có thể nói việc biên soạn công trình này là công việc đầy khó khăn và phức tạp; đồng thời đúng như nhận định của các tác giả, nhiều tài liệu chỉ phản ánh quan điểm của đối phương, đặc biệt là các tài liệu tuyên truyền, nên cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Xuất bản cuốn sách này, Nhà xuất bản và các tác giả mong muốn cung cấp cho độc giả một tài liệu tham khảo ở một chiều tiếp cận khác để có cách nhìn toàn diện hơn, qua đó nhận thức rõ hơn về ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Paris 1973.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2012

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA – SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, do đất nước không bị tàn phá, lại kiếm được nhiều lợi nhuận trong buôn bán vũ khí và phương tiện chiến tranh, nước Mỹ trở nên giàu có. Để củng cố vị thế bá chủ, ngăn chặn chủ nghĩa xã hội và phong trào giải phóng dân tộc, giới cầm quyền Mỹ triển khai chính sách đối ngoại hiếu chiến và chiến lược quân sự toàn cầu, nhằm thiết lập cơ cấu kiểm soát phần còn lại của thế giới, sao cho, mọi diễn biến đều tuân theo khả năng đáp ứng các mục tiêu và lợi ích của Mỹ. Với Việt Nam, Mỹ muốn thôn tính phần lãnh thổ phía Nam, “kéo dài biên giới Hoa Kỳ đến vĩ tuyến 17”, biến miền Nam Việt Nam thành một thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, làm bàn đạp tiến công miền Bắc – tiền đồn của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á.

Nhưng diễn biến của lịch sử thì không đi theo hướng ấy. Liên tiếp thất bại trong hai mùa khô 1965-1966, 1966-1967, nhất là trong cuộc Tổng công kích vào các đô thị trong Tết Mậu Thân 1968 của Quân Giải phóng, lại bị áp lực từ cao trào phản đối chiến tranh của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, trong đó có nhân dân Mỹ, Washington buộc phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đàm phán với Hà Nội hầu tìm một lối về trong danh dự.

Và thế là Hội nghị Paris được nhóm họp, bắt đầu từ cuộc nói chuyện chính thức giữa hai bên vào ngày 13-5-1968. Hai bên rồi bốn bên, đàm phán rồi tiến công quân sự, diễn biến cuộc hòa đàm gay go, phức tạp và trải qua nhiều bước, ở đó sự tiến triển của mỗi bước tùy thuộc vào tình hình chính trị của từng bên và cục diện chiến trường

ở Việt Nam. Kéo dài 4 năm và hơn 8 tháng với 202 phiên họp chung và 24 cuộc tiếp xúc bí mật, Hội nghị Paris kết thúc bằng một hiệp định quy định Mỹ đơn phương rút quân ra khỏi cuộc chiến tranh và công nhận các quyền dân tộc cơ bản của người Việt Nam.

Bản chất của Hiệp định Paris là vấn đề Mỹ rút ra khỏi lãnh thổ miền Nam Việt Nam, nơi mà hơn hai mươi năm trước họ tìm cách đặt chân đến và cố duy trì sự thống trị bằng mọi giá. Vậy, do đâu Mỹ chịu ngồi vào bàn thương lượng, đôi co và đặt bút ký vào Hiệp định, và các nội dung của Hiệp định đã được Mỹ cùng chính quyền Sài Gòn thực hiện như thế nào là những câu hỏi cần được luận giải một cách thuyết phục, có chứng cứ. Mười năm sau ngày miền Nam giải phóng, Giáo sư sử học Mỹ Gabriel Kolko viết: *“Chiến tranh Việt Nam là một sự kiện chính trị được tranh luận nhiều nhất trong đời sống trưởng thành của mỗi một người Mỹ từ tuổi 35 trở lên”*.

Thì đây, các tác giả cuốn sách này đã đưa ra một bằng cứ nữa, từ phía chính quyền Sài Gòn, bằng việc trích lục và bình dẫn một cách khoa học các tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II (thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước), góp vào cuộc tranh luận của mỗi công dân Mỹ, và góp vào nhận thức của mỗi chúng ta về Hiệp định Paris, quá trình xây dựng nên và thực hiện Hiệp định ấy, bắt đầu từ giữa năm 1968 cho đến đầu mùa mưa 1975.

Tháng 12 năm 2012

Đại tá, PGS, TS. Hồ Sơn Đài

LỜI NÓI ĐẦU

“... Một cuộc ngừng bắn sẽ được thực hiện trên khắp miền Nam Việt Nam kể từ hai mươi bốn giờ, ngày hai mươi bảy tháng giêng năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba. Cùng ngày giờ nói trên, Hoa Kỳ sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Hoa Kỳ chống lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bằng mọi lực lượng trên bộ, trên không, trên biển bất cứ từ đâu tới, và sẽ chấm dứt việc thả mìn tại vùng biển, các cảng và sông ngòi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ... Hoa Kỳ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ khi ký Hiệp định này, sẽ hoàn thành việc rút hoàn toàn ra khỏi miền Nam Việt Nam ...”. Đó là một trong các điều khoản mà chính quyền Sài Gòn và Hoa Kỳ đã ký kết với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong bản Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ngày 27-1-1973 (Hiệp định Paris năm 1973 về Việt Nam).

Đối với Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, việc buộc phải ký kết Hiệp định Paris năm 1973 là một thất bại lớn, dẫn đến cuộc khủng hoảng trầm trọng trong chiến lược quân sự, chính trị, ngoại giao đối với miền Nam Việt Nam.

Với quân dân Việt Nam, đây là một thắng lợi to lớn, thắng lợi của một quá trình lâu dài đấu tranh của trên bàn đàm phán tại Hội nghị Paris, cũng như trên chiến trường từ năm 1968-1972.

Nhân kỷ niệm 40 năm ngày ký kết Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, được sự chỉ đạo của Cục Văn

thư và Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II tổ chức biên soạn bộ sách: ***Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn*** gồm hai tập: Tập 1 “Đánh và đàm (1968-1972)” và Tập 2 “Ký kết và thực thi”. Trong Tập 1 “Đánh và đàm (1968-1972)”, Ban biên soạn giới thiệu đến độc giả, các nhà nghiên cứu hàng nghìn trang tài liệu của các cơ quan trung ương của chính quyền Sài Gòn, các cơ quan của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam về quá trình đàm phán ở Paris từ năm 1968 đến năm 1972.

Cuốn sách được biên soạn chủ yếu từ nguồn tài liệu lưu trữ, là những báo cáo, tường trình, sắc lệnh, nghị định,... của các cơ quan trung ương của chính quyền Sài Gòn trước năm 1975. Do đó, có thể có những sự kiện chưa thật sự chính xác, nhất là những tài liệu có tính chất tuyên truyền của phía đối phương. Tuy nhiên, qua cuốn sách này, độc giả và các nhà nghiên cứu có thể tiếp cận với nguồn sử liệu gốc, có cơ sở để so sánh, đối chiếu, làm sáng rõ hơn nhiều vấn đề, đặc biệt hiểu rõ hơn âm mưu của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn trong cuộc đàm phán về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Đây là cuốn sách lần đầu tiên công bố những tài liệu gốc của chính quyền Sài Gòn liên quan đến quá trình đàm phán tại Paris về Việt Nam giai đoạn 1968-1972.

Trong quá trình biên soạn, Ban biên soạn luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, lãnh đạo Bộ Nội vụ; các nhà khoa học và đồng nghiệp. Nhân đây xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành nhất tới quý vị.

Mặc dù rất cẩn trọng và cố gắng, nhưng cuốn sách chắc chắn khó tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc, cho lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

NHÓM BIÊN SOẠN

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

BV	Bắc Việt
CS	Cộng sản
CSBV	Cộng sản Bắc Việt
MACV	Military Assistance Command, Vietnam
QLVNCH	Quân lực Việt Nam Cộng hòa
VC	Việt cộng
VNCH	Việt Nam Cộng hòa
ĐIICH	phông Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa (1967-1975)
PTTg	phông Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975)
QKVH	phông Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa
TTLTII	Trung tâm Lưu trữ quốc gia II
BT	Biên tập chú dẫn

Phần một

TIẾN TRÌNH ĐI ĐẾN BÀN ĐÀM PHÁN TẠI PARIS

1. Chiến tranh và “tín hiệu” hòa đàm

Từ nửa cuối năm 1964, những thất bại liên tiếp của liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa trên chiến trường miền Nam đặt chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Hoa Kỳ trước nguy cơ thất bại.

Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ McNamara nhận định “*tình hình chính trị và quân sự (của chế độ Sài Gòn) ở Nam Việt Nam xấu đi nhanh chóng... Nam Việt Nam dường như đang trên bờ vực của sự sụp đổ hoàn toàn*”¹. Tướng Westmoreland tin rằng quân đội Việt Nam Cộng hòa không thể chống đỡ được và chính quyền Sài Gòn sắp sụp đổ². Trong điện gửi Tổng thống Johnson ngày 6-1-1965, Đại sứ Hoa Kỳ ở miền Nam đánh giá: “*Chúng ta (tức Hoa Kỳ) hiện đang trên con đường thất bại*”, nếu “*không có hành động tích cực nào vào lúc này có nghĩa là chấp nhận sự thất bại trong một tương lai rất gần*”.

Cứu nguy chính quyền Sài Gòn, Johnson – Tổng thống Hoa Kỳ quyết định đưa quân viễn chinh Hoa Kỳ vào tham chiến tại chiến trường miền Nam và tiến hành chiến tranh leo thang ra miền Bắc

1. Robert S. McNamara: *Nhìn lại quá khứ: Tấn thâm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 175.

2. Xem Westmoreland: *Tường trình của một quân nhân*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1988.

Việt Nam. Ngày 4-8-1964, Hoa Kỳ tạo dựng sự kiện Hải quân Việt Nam tấn công khu trục USS Maddox và USS Turner Joy của Hải quân Hoa Kỳ trong Vịnh Bắc bộ, tạo cơ cho Quốc hội Hoa Kỳ thông qua Nghị quyết Đông Nam Á (Nghị quyết Vịnh Bắc bộ) cho phép Tổng thống Johnson quyền hỗ trợ bất kỳ quốc gia Đông Nam Á nào bị đe dọa bởi nguy cơ cộng sản. Trong thông điệp đầu năm 1965, Tổng thống Johnson chính thức tuyên bố đưa quân đội viễn chinh vào miền Nam Việt Nam với lý do “*vi nước bạn (ám chỉ chính quyền Sài Gòn – BT) yêu cầu, vì phải giữ cam kết 10 năm trước đây, vì an ninh của bản thân nước Mỹ và hòa bình châu Á*”.

Thực hiện quyết định của Johnson, quân viễn chinh Hoa Kỳ đổ ạt vào miền Nam Việt Nam. Trong hai năm 1966 và 1967, binh quân mỗi năm có 155.000 binh sĩ được đưa vào miền Nam, tương đương với gần 13.000 quân/tháng. Vào thời điểm ngày 1-1-1966, số binh sĩ Hoa Kỳ có mặt tại miền Nam Việt Nam là 181.000 quân¹, đến tháng 12-1967 là 497.498 quân², cùng với 60.276 quân các nước đồng minh của Hoa Kỳ³ nâng tổng số quân đội nước ngoài tham chiến ở miền Nam Việt Nam lên 557.774 quân⁴.

Trong hai năm 1966-1967, ngân sách Hoa Kỳ chi hàng tỷ đô la viện trợ và hàng trăm triệu tấn vũ khí, phương tiện chiến tranh

1. Đoàn Thêm, *Việc từng ngày* (1966-1967), Sài Gòn, 1968, ký hiệu vn.3590.

2. Tổng kết hoạt động hành quân (mật) số 2555/TTM/TTHQ/HQ tháng 12-1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15829, PTTg, TTLTI.

3. Các nước đồng minh của Hoa Kỳ gồm: Đại Hàn (Hàn Quốc): 48.839 quân; Úc Đại Lợi (Australia): 6.597 quân; Thái Lan: 2.242 quân; Phi Luật Tân (Philippine): 2.021 quân; Tân Tây Lan (New Zealand): 534 quân; Trung Hoa Quốc gia (Tướng Giới Thạch): 30 quân; Tây Ban Nha: 13 quân;

4. Tổng kết hoạt động hành quân (mật) số 2555/TTM/TTHQ/HQ tháng 12-1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, *Tlđđ*.

hiện đại, nhằm tăng quân số cũng như nâng cao tiềm lực quân sự cho chính quyền Sài Gòn. Cuối năm 1967, tổng quân số quân đội Sài Gòn là 634.475 quân¹, tăng gần 200.000 quân so với năm 1966. Đến thời điểm ngày 31-3-1968, quân số quân đội Sài Gòn là 781.074 quân, gồm: 344.017 chủ lực quân, 147.966 địa phương quân, 147.746 nghĩa quân, 37.539 dân sự chiến đấu, 68.242 cảnh sát và 35.564 cán bộ xây dựng nông thôn. Đưa tổng số lực lượng liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa lên 1.375.747 quân, nâng tỷ lệ tương quan lực lượng giữa liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa với Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam trên chiến trường miền Nam Việt Nam là 4-1².

Với đà tăng quân, năm 1965, Tổng Tham mưu trưởng quân viễn chinh Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam đề ra chiến lược quân sự “tìm diệt” (Search/Seek and destroy), cùng với vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại hòng tiêu diệt lực lượng chính quy Quân Giải phóng. Kết hợp cùng chiến lược “bình định”, tấn công, chiếm giữ các vị trí, căn cứ của Quân Giải phóng, từ nửa cuối năm 1965, liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa liên tục tổ chức hàng loạt các cuộc hành quân càn quét quy mô lớn, nhỏ vào vùng nông thôn và căn cứ của Quân Giải phóng.

Phối hợp với hoạt động “tìm diệt”, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn ra sức bình định bằng các cuộc hành quân càn quét, để sau đó là gom dân lập ấp. Trong năm 1966, chính quyền Sài Gòn đã lập gần 4.500 ấp chiến lược với số dân theo báo cáo là hơn 6,6 triệu người.

1. Tổng kết hoạt động hành quân (mật) số 2555/TTM/TTHQ/HQ tháng 12-1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15829, PTTg, TTLTII.

2. Bản tổng kết hoạt động (mật) số 03/TTM/TTHQ/HQ tháng 3-1968 của Trung tâm hành quân, Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16201, PTTg, TTLTII.

**Tổng kết chương trình lập ấp chiến lược năm 1966
của chính quyền Sài Gòn ¹**

Vùng chiến thuật	Hoàn thành trong năm 1966				Hoàn thành từ trước đến cuối năm 1966	
	Xây dựng		Củng cố			
	ấp	dân	ấp	dân	ấp	dân
V1CT	34	46.533	36	63.968	481	619.166
V2CT	143	170.961	241	207.677	963	1.114.782
V3CT	123	120.724	215	280.473	1015	1.944.294
V4CT	190	206.680	260	358.855	1973	3.006.272
Miền Nam	490	544.898	752	910.973	4432	6.684.514

Bằng chiến lược “tìm diệt” và “bình định”, Westmoreland tin tưởng sẽ hoàn thành bình định miền Nam Việt Nam vào cuối năm 1966. Nhưng kết thúc mùa khô 1965-1966, chiến lược “tìm diệt” và “bình định” của Hoa Kỳ đã không phát huy được hiệu quả.

Ngày 30-3-1966, Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn Cabot Lodge gửi báo cáo về Washington cho biết: Cuộc tấn công đã không làm hao tổn được Việt cộng, không tìm diệt được một đơn vị chính quy lớn nào của Việt cộng, không ngăn được du kích phát triển. Mỹ vẫn bị động, quân đội Sài Gòn giảm chất lượng nhanh chóng².

Những ngày tháng sau đó, tình hình miền Nam càng thêm nóng bỏng với những thắng lợi liên tiếp của Quân Giải phóng ở Núi Thành, Ba Gia, Bình Giả.... Trước tình hình đó, để trấn an dư luận,

1. Phiếu gửi số 3301 XD/32 ngày 11-4-1967, báo cáo tiến triển lập ấp từ trước đến cuối năm 1966 và chương trình lập ấp năm 1967 của Tổng bộ Xây dựng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 773, PTTg, TTLTII.

2. Xem Hà Minh Hồng: *Lịch sử Việt Nam cận hiện đại (1858-1975)*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr.204.

ở Washington, chính quyền Hoa Kỳ quyết định triển khai mặt trận mới trên lĩnh vực ngoại giao. Tháng 1-1967, Tổng thống Johnson tuyên bố: “*Hoa Kỳ sẵn sàng đi bất cứ nơi nào vào bất cứ lúc nào để gặp gỡ miền Bắc bàn định hòa bình*”¹. Ngày 27-1-1967, Dean Rusk, Ngoại trưởng Hoa Kỳ chính thức công bố lập trường 4 điểm, cụ thể hóa tuyên bố của Tổng thống Johnson. Nội dung chính của bản tuyên bố gồm:

“1. Các Hiệp ước Genève 1954 và 1962 là căn bản hòa bình hợp lý cho nền hòa bình của toàn thể vùng Đông Nam Á.

2. Hoa Kỳ sẽ hân hoan đón nhận một hội nghị tại Đông Nam Á hay tại bất cứ nơi nào. Hoa Kỳ sẵn sàng thương nghị dựa trên những quy định của Hiệp ước Genève 1954 và 1962, và Hoa Kỳ sẽ ủng hộ cho việc tái triệu tập một hội nghị Genève, hay một hội nghị Á châu, hay bất cứ một hội nghị nào có thể chấp nhận được.

3. Hoa Kỳ sẽ hân hoan đón nhận các cuộc thương nghị không có những điều kiện tiên quyết nào như đề nghị của 17 quốc gia không liên kết đã gửi đến Ngoại trưởng Dean Rusk ngày 1-4-1965.

4. Hoa Kỳ sẽ chấp nhận các “cuộc thảo luận về điều kiện” như lời Tổng thống Hoa Kỳ L.B. Johnson đưa ra ngày 7-4-1965 (nếu đối phương không đến được bàn hội nghị, thì Hoa Kỳ thực hiện các cuộc thảo luận trực tiếp hoặc gián tiếp qua một quốc gia trung gian nào đấy).

5. Một hành động ngưng các hoạt động chiến tranh sẽ là vấn đề đầu tiên của hội nghị, hoặc cũng có thể đấy là đề tài thảo luận tiên quyết.

6. Lập trường 4 điểm của Hà Nội sẽ được thảo luận tới cùng một lúc với các đề nghị khác có thể có.

1. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về lịch trình tiến triển Hội nghị sơ bộ Mỹ – Bắc Việt tại Ba Lê năm 1968. Hồ sơ 864, ĐIIICH, TTLTI.

7. Hoa Kỳ không hề muốn có những căn cứ tại Đông Nam Á. Hoa Kỳ đã sửa soạn để biến các căn cứ ấy thành những căn cứ sử dụng cho các vấn đề hòa bình đem lại cho các dân tộc tại những nơi có các căn cứ ấy.

8. Sau khi hòa bình đã được bảo đảm, Hoa Kỳ không muốn lưu giữ quân đội của mình tại miền Nam Việt Nam.

9. Hoa Kỳ ủng hộ các cuộc tuyển cử tự do tại Nam Việt Nam để người miền Nam Việt Nam thành lập một chính phủ theo với các điều lựa chọn của họ.

10. Vấn đề tái thống nhất phải do chính nhân dân Việt Nam quyết định với những ý muốn riêng của họ.

11. Nếu như các dân tộc Đông Nam Á muốn, thì Đông Nam Á sẽ trở thành vùng các quốc gia không liên kết. Hoa Kỳ không hề tìm cách đặt một chính sách nào buộc miền Nam Việt Nam phải nhận chịu. Hoa Kỳ ủng hộ chính sách trung lập của Ai Lao (Lào – BT) và Campuchia (Campuchia – BT).

12. Hoa Kỳ muốn được sử dụng các tài nguyên của mình vào các mục tiêu hòa bình, xây dựng kinh tế cho vùng Đông Nam Á, chứ không muốn sử dụng các tài nguyên ấy vào các mục tiêu chiến tranh. Bắc Việt có thể tham dự các nỗ lực xây dựng địa phương ấy. Với nỗ lực này, Hoa Kỳ đã chuẩn bị sẵn một tỷ Mỹ kim (USD – BT) để chi dụng.

13. Tổng thống Hoa Kỳ có tuyên bố rằng: “Việt cộng có thể có đại diện mà không gặp phải khó khăn gì và được quyền nêu quan điểm...”

14. Hoa Kỳ đã từng công khai và riêng biệt tuyên bố rằng: “Hoa Kỳ sẽ ngưng ném bom Bắc Việt, coi đây là một bước tiến đến hòa bình, miễn là đối phương tỏ ra có dấu hiệu đáp ứng để cho cuộc ngưng ném bom được trở thành sự thật”¹.

1. Lập trường 14 điểm của Hoa Kỳ do Ngoại trưởng Dean Rusk công bố ngày 27-1-1968, Hồ sơ 834, ĐIIICH, TTLTII.

Ngày 29-9-1967, tại San Antonio, Tổng thống Johnson cố công thu hút sự chú ý của dư luận thế giới với tuyên bố đầy mâu thuẫn giữa “thiện chí” và “răn đe”:

“1. Hoa Kỳ muốn ngưng oanh kích và pháo kích vào Bắc Việt ngay lập tức và kết quả sẽ đưa đến các cuộc thảo luận xây dựng.

...

3. Sẵn sàng gọi Ngoại trưởng Dean Rusk và một vị đại diện tin cậy tới bất cứ nơi nào để hội đàm mật với một phát ngôn viên Hà Nội.

4. Cảnh cáo Hà Nội rằng chiến tranh sẽ tiếp diễn cho đến khi Hà Nội thỏa thuận thương thuyết. Hà Nội sẽ sai lầm nếu tin là Hoa Kỳ sẽ từ bỏ chiến cuộc.

...

6. Hà Nội sẽ ý thức là họ không thể thắng được và nên từ bỏ cuộc giao tranh để tiến tới việc kiến tạo xứ sở.

7. Cuộc chiến tranh còn gian nan, Việt Nam (chỉ chính quyền Sài Gòn – BT) và Hoa Kỳ đã tổn thất nặng nề.

Những người duy trì hòa bình thật sự trên thế giới không phải là những người muốn chúng ta rút lui khỏi chiến trường Việt Nam. Cũng không phải là những người cho rằng chúng ta đang tìm lối thoát nhanh nhất. Dù các hậu quả có thể nào đi nữa thì vào giờ này, những người (binh lính Hoa Kỳ – BT) ở vùng phi quân sự (Việt Nam) đang chịu trận trước địch quân (Quân Giải phóng – BT)”¹.

Kèm theo tuyên bố là công thức San Antonio, mà ngoài các ngôn từ ngoại giao như: Hoa Kỳ luôn luôn giúp đỡ các dân tộc tự do chống lại xâm lăng ngoại bang; nguyên tắc dân tộc tự quyết phải được tôn

1. Tuyên bố của Tổng thống Johnson tại San Antonio ngày 29-9-1967, Hồ sơ 834, ĐIIIC, TTLII.

trọng, lên án việc xử này giết xử kia, dân tộc này giết dân tộc khác;... dễ dàng nhận thấy chính sách nhất quán là tất cả những gì Hoa Kỳ đã làm chỉ vì một mục đích: *nền an ninh của quốc gia Hoa Kỳ và của cả thế giới nữa*¹.

Ngày 28-1-1967, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh khẳng định lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: “*Nếu Hoa Kỳ thành thật mong muốn có cuộc hòa đàm, họ phải trước hết chấm dứt vô điều kiện các cuộc oanh tạc và các hành vi gây chiến chống miền Bắc*”².

Trái ngược với các tín hiệu “*hòa đàm*” được phát đi tại chiến trường Việt Nam, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa huy động tối đa tiềm lực quân sự vào chiến lược “*tim diệt*” và “*bình định*”.

Ba tháng đầu năm 1967, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa đã tổ chức tổng cộng 884 cuộc hành quân từ cấp tiểu đoàn trở lên, bao gồm 30 cuộc hành quân hỗn hợp, 738 cuộc do quân đội Sài Gòn thực hiện, 146 cuộc của quân viễn chinh Hoa Kỳ và chư hầu³. Trong đó có các cuộc hành quân quan trọng, đánh thẳng vào các căn cứ của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, nhằm tiêu diệt lực lượng chủ lực Quân Giải phóng, như:

Hành quân Cedar Falls diễn ra từ ngày 8-1 đến ngày 16-1-1967 với sự tham dự của 16.000 lính Hoa Kỳ và 14.000 lính Sài Gòn, đánh vào khu vực “*Tam giác sắt*”.

1. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về lịch trình tiến triển Hội nghị sơ bộ Mỹ – Bắc Việt tại Ba Lê năm 1968, Hồ sơ 864, ĐIIICH, TTLTII.

2. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về lịch trình tiến triển Hội nghị sơ bộ Mỹ – Bắc Việt tại Ba Lê năm 1968, *Tlđđ*.

3. Báo cáo tổng kết hoạt động hành quân (mật) đệ nhất tam cá nguyệt năm 1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15828, PTTg, TTLTII.